TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2025/HS-ST
Ngày 27 - 10 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 178/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Ngô Minh T, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; thường trú: Số nhà E, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Ngô Thành T1, sinh năm 1961 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1968; bị cáo có 01 em trai sinh năm 2001; bị cáo có vợ tên Hoàng Thị Minh M, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Bị hại: Bà* Vũ ngọc Y, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Số F, ĐT G, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đinh Văn T3, sinh năm 1991; Thường trú: Ô 8, D30, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. Ông Đặng Thanh M1, sinh năm 1996; địa chỉ: Số G, N, khu phố T, phường D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

3. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1995; địa chỉ: Số F đường D.743 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngô Minh T và anh Đặng Thanh M1, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Số G, N, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh có quen biết do nhà ở gần nhau.

T và anh Đinh Văn T3, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Ô, D30, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) từng làm nhân viên lao động hợp đồng tại Đội Cơ động xử lý sự cố giao thông thuộc sự quản lý của Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/02/2023 thì T xin nghỉ việc; ngày 01/10/2023 anh T3 xin nghỉ việc.

Ngày 11/03/2023, Vũ Ngọc T4, sinh năm 2001, hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, Thành phố Cần Thơ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) bắt quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Qua thông tin từ bạn bè cho biết T4 bị bắt về việc sử dụng trái phép chất ma túy nên Đặng Thanh M1 là bạn trai cũ của T4 đến gặp chị Vũ Ngọc Y, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Số F, ĐT743, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh là chị ruột của T4 tại nhà trọ 4/10, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh để thông báo việc T4 bị bắt. Tại đây, chị Y nhờ anh M1 giới thiệu người quen có khả năng giúp cho T4 được giảm nhẹ tội thì anh M1 gọi điện hỏi T, T nói có thể giúp T4 nên M1 cho chị Y số điện thoại 0927.739.066 của T để Y tự liên hệ.

Ngày 13/03/2023, chị Y gọi điện cho T đề cập việc đưa tiền chạy án, bảo lĩnh cho T4 ra ngoài thì T hẹn sẽ báo lại cho chị Y biết. Sau đó, từ ngày 13/3/2023 đến ngày 15/3/2023, T sử dụng số điện thoại 0927.739.066 nhiều lần gọi điện vào số 0372.242.464 của anh Đinh Văn T3 và cho biết T4 là bà con họ hàng của T, hiện đã bị Công an thành phố D bắt về tội phạm liên quan đến ma túy, T nhờ anh T3 hỏi dùm thông tin. Anh T3 cho T biết tội của T4 liên quan đến ma túy là nặng nên không thể lo để ra ngoài được mà chỉ có thể lo tiền (khoảng vài chục triệu) chạy giảm án cho T4, T thỏa thuận sẽ đưa 80.000.000đ (T5 mươi triệu đồng) cho anh T3 để chạy giảm án thì anh T3 đồng ý. Sau đó, T gọi điện thông báo cho chị Y biết nội dung chỉ có thể chạy để giảm án cho T4, không lo cho T4 về nhà được.

Sáng ngày 14/3/2023, anh M1 gọi điện và chỉ đường cho chị Y đến gặp T tại quán phở Nam Định trên đường số G, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện, hỏi thăm tình hình của T4 rồi chị Y ra về. Sau đó, chị Y nhiều lần gọi điện cho T để trao đổi vấn đề chạy giảm án cho T4.

Đến sáng ngày 15/3/2023, T gọi điện yêu cầu chị Y đến quán P để nói chuyện tiếp thì chị Y đi cùng chồng là Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1995, HKTT: Số F đường

D.743 khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T đưa ra thông tin gian dối là T4 bị bắt về 03 tội danh là: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Tàng trữ trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy, nếu bị xét xử thì sẽ ở khoản 2 là trên 10 năm tù. T cho biết nếu chị Y lo cho T4 giảm án, giảm nhẹ hình phạt thì đưa số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) để T chạy án xuống còn khoản 1 với thời hạn tù 18 tháng đến 02 năm, nếu Trang bị xét xử 03 tội thì thời hạn sẽ từ 3 đến 4 năm tù và nói Y về suy nghĩ, bàn bạc thống nhất với gia đình rồi thông báo lại cho T. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày 15/3/2023, T gọi điện thuyết phục chị Y đưa số tiền 120.000.000 đồng để chạy giảm án cho T4, Y xin giảm bớt tiền nhưng T không đồng ý. Sau một lúc nói chuyện, chị Y tin tưởng đồng ý đưa tiền và hỏi T cách thức giao nhận tiền, T cho biết sẽ nhờ anh M1 gửi số tài khoản của T qua cho chị Y. Sau đó, T gọi điện nhờ anh M1 chuyển số tài khoản của T cho chị Y thì anh M1 đồng ý và nhắn tin gửi số tài khoản 65610000479521 của Ngô Minh T mở tại Ngân hàng B qua cho chị Y. Đến khoảng 14 giờ 20 phút ngày 15/3/2023, chị Y gọi điện nhờ chồng là anh V chuyển khoản cho T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Anh V sử dụng số tài khoản 050116662024 mở tại Ngân hàng S chuyển 100.000.000đồng vào số tài khoản 65610000479521 của T. Khoảng 30 phút sau, chị Y sử dụng số tài khoản 0108519289 mở tại Ngân hàng Đ chuyển thêm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản 65610000479521 của T. Sau khi nhận 120.000.000 đồng, T dặn chị Y chờ thêm khoảng 04 tháng sau thì T4 sẽ được đưa ra Tòa để xét xử.

Sau khi nhận được tiền từ chị Y, T rút tiền mặt 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và liên lạc hẹn gặp anh T3 lúc 16 giờ ngày 16/3/2023 trước cổng trụ sở Công an thành phố D trên đường số D, khu trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương để giao tiền, T giữ lại 40.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, trong quá trình nói chuyện với anh T3 từ ngày 13/3/2023 đến ngày 16/3/2023 và sau khi nhận tiền, anh T3 không liên hệ với ai để dò hỏi thông tin chạy án hay đưa tiền cho ai. Đồng thời do nhận thức được hành vi nhận tiền chạy án là vi phạm pháp luật nên đến ngày 27/3/2023, anh T3 đã dùng tài khoản số 6560306726 do anh T3 mở tại Ngân hàng B để chuyển khoản 80.000.000 đồng vào số tài khoản 65610000479521 trả lại cho T.

Đến ngày 15/7/2023, chị Y không thấy Tòa án xét xử vụ án của T4 nên gọi điện hỏi thì T nói gia đình tiếp tục chờ, đồng thời T cho Y số điện thoại 0372.242.464 của anh T3 và cho biết đã nhờ người này chạy án cho T4. Lúc này, chị T4 có gọi điện cho anh T3 để hỏi thông tin vụ án thì T3 nói nhầm số rồi tắt máy. Khoảng 05 phút sau, chị Y nhận được điện thoại từ số 0937.107.791 của một người nam không rõ lai lịch dặn chị Y chờ Tòa án gửi thông báo rồi người này tắt máy.

Đến ngày 20/02/2024, chị Y không liên lạc được với T, biết bị chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng nên chị Y đến Công an phường D để trình báo. Đồng thời, chị Y cung cấp cho Cơ quan Công an 01 (một) USB có các file ghi âm cuộc gọi điện thoại nói chuyện giữa Y với Ngô Minh T trong quá trình thỏa thuận chạy án giảm nhẹ hình phạt cho T4.

Trong quá trình điều tra, T thay đổi lời khai liên tục và khai nhận khoảng 03 đến 04 ngày sau khi anh T3 chuyển khoản trả lại cho T số tiền 80.000.000 đồng thì anh T3 gọi điện cho T nói là đã tìm được người có thể chạy giảm án cho T4 và kêu T đến cổng Công an thành phố D để giao 80.000.000 đồng. Sau khi nhận 80.000.000 đồng lần thứ hai thì T3 kêu T chờ đến ngày T4 được Tòa án xét xử nhưng anh T3 không thừa nhận có nhận tiền lần thứ hai từ T. Ngoài lời khai của T thì không có tài liệu nào khác chứng minh T đưa 80.000.000 đồng cho anh T3 lần thứ hai như T khai nhận.

Tại Kết luận giám định số 1369/KL-KTHS ngày 28/03/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, mục V. Kết luận về đối tượng giám định: *"Trong mẫu vật A (USB màu xanh có chữ Kingston) có chứa 12 tập tin âm thanh được trích xuất thành nội dung phụ lục in trên 15 mặt giấy khổ A4 kèm theo Kết luận giám định."*

Tại Kết luận giám định số 1369/KL-KTHS ngày 28/03/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, mục V. Kết luận về đối tượng giám định: *"Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 12 file âm thanh mẫu cần giám định."*

Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số: 770/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh B và Kết luận giám định số 1369/KL-KTHS ngày 28/03/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cáo trạng số: 53/CT - VKS – KV16 ngày 06 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Ngô Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Ngô Minh T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Đối với anh Đinh Văn T3, tuy có nhận số tiền 80.000.000 đồng của T để tìm cách lo chạy giảm án cho T4 nhưng T3 không tìm hiểu, không liên hệ với ai để hỏi thông tin và không biết nội dung sự việc T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Y. Đồng thời, T3 tự nhận thức được hành vi nhận tiền chạy án là vi phạm pháp luật nên không thực hiện việc chiếm đoạt mà đã trả lại cho T. Do đó, hành vi của T3 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự đối với anh T3 là phù hợp.

Đối với anh Đặng Thanh M1, do có mối quan hệ là bạn trai cũ của Vũ Ngọc T4 trước đây nên khi biết tin T4 bị bắt và được chị Vũ Ngọc Y nhờ thì anh M1 với tư cách là người trong gia đình của T4, đã giới thiệu T cho Y gặp trao đổi. M1 không biết việc T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của chị T4, không biết nội dung trao đổi chạy giảm án cho T4, không bàn bạc thỏa thuận với T về số tiền chiếm đoạt và không nhận lợi ích vật chất gì. Do đó, hành vi của M1 không đồng phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự đối với anh M1 là phù hợp.

Tiến hành xác minh thông tin số điện thoại 0937.107.791 kết quả chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, HKTT: Số C khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành lấy lời khai của chị H thể hiện chị H không sử dụng số thuê bao trên, không quen biết Ngô Minh T và Đinh Văn T3.

Tại cáo trạng số: 53/CT-VKS-KV16 ngày 06 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Ngô Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, ddiemr b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Ngô Minh T từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/5/2024 và ngày 12/5/2024, Ngô Minh T đã bồi thường thiệt hại số tiền 120.000.000 đồng cho chị Vũ Ngọc Y. Chị Y không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị hại Vũ Ngọc Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D (nay là Cơ quan điều tra Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm ông Đặng Thanh M1, ông Nguyễn Hoàng V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có tên trên.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Minh T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Bản sao kê ngân hàng, bản in tin nhắn qua mạng zalo giữa Y với bị cáo T..., có đủ căn cứ xác định: Ngày 15/3/2023, tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Ngô Minh T không có thẩm quyền nhưng vẫn đưa thông tin gian dối có thể lo cho em gái của bị hại Vũ Ngọc Y giảm án và đưa

ra số tiền yêu cầu là 120.000.000 đồng, chị Vũ Ngọc Y tin tưởng là thật nên giao 120.000.000 đồng cho bị cáo T. Hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 53/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) và phần luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Minh T là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham và động cơ tư lợi, bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để bảo đảm tính công bằng, nghiêm minh và nhân đạo của pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại, không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc*

toàn bộ tài sản". Tuy nhiên, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Đối với Đinh Văn T3 có nhận tiền 80.000.000 đồng từ bị cáo T nhưng không thực hiện việc chạy án, không thỏa thuận bàn bạc với bị cáo T về việc chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng từ chị Y và T3 đã trả lại số tiền sau đó. Hành vi của T3 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý hình sự đối với anh T3 là phù hợp quy định của pháp luật.

[10] Đối với Đặng Thanh M1, anh chỉ đóng vai trò giới thiệu ban đầu cho bị hại gặp bị cáo, không bàn bạc và không biết việc T chiếm đoạt số tiền từ bị hại. M1 không bàn bạc, không nhận lợi ích vật chất nên không bị coi là đồng phạm. Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp, tuy nhiên về hình phạt có phần nhẹ, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn đề nghị nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Khu vực 16 (01);
- THA DS thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an thành phố Hồ Chí Minh (01);
- TAND thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Sở tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- UBND xã, phường (nơi phát hiện tội phạm);
- Phòng PV 06 CA thành phố HCM (01);
- Phòng PC 10 CA thành phố HCM (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

Kiều Thị Uyên